

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vui và ông Nguyễn Xuân Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkrông – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST–DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019; về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H; địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Y T ; địa chỉ: Buôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; theo văn bản ủy quyền của bà H lập ngày 21/12/2019; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Đ; địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bà Lê Thị H1; địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Những người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thanh T1; địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Anh Lê Phước Tr; địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Anh Nguyễn Xuân Kh; địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Bà Phan Thị S; địa chỉ Buôn Bi, xã T, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
- Bà Dương Thị Liệu; địa chỉ: Buôn D, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Y T Knổng trình bày:

Theo “Giấy vay tiền” ngày 08/6/2017, ông Trần Đ vay của bà Trần Thị H 100.000.000 đồng; thời hạn trả nợ ngày 08/10/2017. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận lãi suất 15% tháng nhưng không viết vào trong “Giấy vay tiền”. Đến hạn trả nợ, bà H đã yêu cầu ông Đ trả tiền nhiều lần nhưng ông Đ vẫn khát nợ đến nay chưa trả số tiền trên cho bà H.

Nay bà H yêu cầu ông Trần Đ phải trả số tiền đã vay là 100.000.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 09/10/2017 đến ngày khởi kiện 09/12/2018, theo mức lãi suất 10% /năm là 11.620.000 đồng; tổng cộng là 111.620.000 đồng.

Ông Trần Đ trình bày:

Ông Đ thừa nhận có nợ 100.000.000 đồng; không tranh chấp về thời điểm vay, thời hạn vay nhưng còn tranh chấp về những nội dung sau:

Thứ nhất, theo ông Đ thì trong số tiền nợ 100.000.000 đồng trên có 55.000.000 đồng, thực chất không phải là khoản vay mà là khoản nợ do cá độ bóng đá ông Đ còn nợ ông Trọng nên ông Đ không chấp nhận phải trả số tiền cá độ này.

Thứ hai, ông Đ cho rằng khi vay 45.000.000 đồng, ông Đ không đến nhà bà H, không trực tiếp vay bà H và cũng không có việc các bên nhờ con gái bà H là Nguyễn Thanh Tâm lập giấy vay mà là ông Đ vay trực tiếp của ông T, ông T giao tiền và viết giấy vay tại nhà ông Hòa thôn Sân Bay, xã Bông Krang nên chữ ký trong “Giấy vay tiền” ngày 08/6/2017 mà bà H dùng làm chứng cứ không phải của ông Đ viết ra.

Thứ ba, về mức lãi không phải là 15% /tháng mà thực tế ông Đ phải trả là 4.000.000 đồng/tháng, ông Đ đã trả được 16 tháng, trong đó có nhờ anh Trung, anh Khánh, bà Sương mỗi người trả nợ lãi hai lần, mỗi lần 4.000.000 đồng, tổng cộng đã trả được 64.000.000 đồng nên nay ông Đ không chấp nhận trả nợ nữa.

Ông Nguyễn Văn Trọng trình bày:

Việc ông Đ vay 100.000.000 đồng của vợ ông là bà H, không liên quan gì đến ông T. Ông T có quen, biết và trước đây, ông T có cho ông Đ vay tạm tiền vài lần, số tiền vay cũng chỉ vài triệu. Khi ông T cho ông Đ vay, ông T cũng không nhớ vay làm gì, số tiền bao nhiêu; nay ông Đ khai thì ông nhớ là ông Đ có nhờ người ngoài xóm ông Đ (ông T không biết tên) trả tiền hộ nhưng anh em đã thanh toán xong với nhau không liên quan gì đến khoản vay 100.000.000 đồng trên.

Về việc ông Đ khai có cá cược bóng đá và nợ ông T số tiền 55 triệu đồng, sau đó vay thêm 45 triệu đồng rồi gộp nợ thành 100 triệu đồng và ông T là người viết “Giấy vay tiền” ông Đ ký bên vay là hoàn toàn bịa đặt. Việc bà H kiện đòi nợ

ông Đ không liên quan gì đến ông T.

Bà Lê Thị Hương trình bày:

Mặc dù bà H kiện đòi nợ chồng bà Hương là ông Đ, không liên quan gì đến bà Hương nhưng bà Hương đề nghị Tòa án xem xét, bởi bà Hương là chỗ bạn bè cũ với bà H; bà H thừa biết ông Đ hay cá độ, làm khổ vợ con nhưng vẫn cho ông Đ vay khoản tiền lớn như vậy mà không báo cho bà Hương biết một thời gian dài thì hoàn toàn vô lý, đây chỉ có thể là khoản nợ do cá độ như ông Đ trình bày mà thôi; nên theo bà Hương, nếu ông Đ có nợ 100.000.000 đồng thì đây là khoản tiền cá độ bóng đá nên cần bác bỏ yêu cầu trả nợ của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm quyền thụ lý đúng qui định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 **Bộ luật Tố tụng dân sự** (BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng qui định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho các đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 BLTTDS. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ Luật dân sự, tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H; buộc ông Đ phải trả cho bà H số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn là 10%/năm từ ngày 09/10/2017 đến 09/12/2018 là 11.620.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa là thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của những người làm chứng gồm chị Nguyễn Thanh Tâm, anh Nguyễn Xuân Khánh và bà Phan Thị Sương nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên sự vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền:

Yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả nợ vay và lãi phát sinh; bị đơn không thừa nhận đã vay tiền của nguyên đơn không phải là yêu cầu phản tố

nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; bị đơn cư trú trong huyện Lắc nên Tòa án nhân dân huyện Lắc có thẩm quyền giải quyết vụ án này theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự việc vay tiền: ông Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc ông T đã ghi gộp 55.000.000 đồng tiền nợ cá độ bóng đá với 45.000.000 đồng tiền vay; mặt khác “Giấy vay tiền” ngày 08/6/2017 do bà H cung cấp tuy ông Đ không thừa nhận đã ký chữ “Đ” trong phần bên vay nhưng theo bản kết luận giám định số 06/PC09 ngày 05/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định dựa trên các mẫu so sánh do chính ông Đ cung cấp đã kết luận là của ông Đ viết ra. Hơn nữa, bản thân ông Đ cho rằng ông Đ không có liên quan gì đến bà H nhưng lại trình bày là hằng tháng có trả tiền lãi cho bà H, ông T và đã trả được 16 tháng, trong đó có nhờ anh Khánh, anh Trung, bà Sương mỗi người ông Đ nhờ 02 lần, mỗi lần 4.000.000 đồng và khi nhờ trả tiền, ông Đ còn nói rõ là trả cho bà H; điều đó nói lên ý chí của ông Đ là trả lãi cho số tiền vay bà H chứ không phải trả nợ riêng ông T. Từ đó, có đủ cơ sở xác định ông Đ có vay của bà H 100.000.000 đồng vào ngày 08/6/2017 theo như “Giấy vay tiền” do bà H cung cấp.

[4] Về lãi: Căn cứ ý kiến trình bày của các bên, Tòa án xác định các bên xác lập hợp đồng vay có lãi nhưng trong “Giấy vay tiền” không ghi mức lãi cụ thể, bên cho vay thì xác định lãi suất trong hạn là 15% /tháng, bên vay thì lại xác định mức lãi 4.000.000 đồng/ tháng; do đó, xác định trường hợp này là có tranh chấp về lãi.

[5] Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bên đều thống nhất là chưa trả gốc; về lãi hằng tháng còn có tranh chấp, bên cho vay xác định chưa trả lãi; bên vay xác định đã trả lãi được 16 tháng là 64.000.000 đồng (trả xong đến tháng 10/2018); với khoản tiền lãi 4.000.000 đồng là một khoản thu nhập tương đối lớn so với thu nhập hằng tháng của ông Đ, nếu ông Đ có trả tiền thì điều cần thiết nhất là phải có xác nhận số tiền đã trả để tự chứng minh cho việc đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ; tuy nhiên, ông Đ đã không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã trả lãi hằng tháng. Mặc dù những người làm chứng anh Trung, anh Khánh, bà Sương có thừa nhận ông Đ đã nhờ đưa tiền trả lãi cho bà H nhưng mới chỉ chứng minh được là ông Đ có nhờ đưa tiền còn việc anh Trung, anh Khánh, bà H đã đưa tiền để trả hộ cho ông Đ cho bà H hay chưa, nếu có trả thì cần phải có xác nhận của bên được trả nợ trừ trường hợp được thừa nhận của bên nhận tiền thì mới có đủ cơ sở để chứng minh số tiền lãi ông Đ đã trả.

[6] Về pháp luật áp dụng:

Việc vay tiền được các bên giao dịch vào ngày 08/6/2017 nên được áp dụng theo Bộ Luật dân sự hiện hành để giải quyết; tranh chấp hợp đồng vay tài sản được áp dụng theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Theo Điều 466 Bộ luật dân sự, nghĩa vụ trả nợ của bên vay được xác định như sau:

Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi gồm: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Về lãi suất Điều 468 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác....”

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Lãi suất 15% tháng hay mức lãi 4.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng như các bên đã xác định đều là lãi suất vượt quá mức pháp luật cho phép (lãi suất giới hạn 20%/năm); hơn nữa, đây là thuộc trường hợp có tranh chấp về lãi nên chỉ áp dụng mức lãi trong hạn được áp dụng là 10%/năm làm cơ sở xác định lãi suất quá hạn trên nợ gốc là 150% của mức lãi trong hạn, tức bằng 1,25% tháng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ông Đ có vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng nhưng chưa trả cả gốc và lãi; do đó, bà H yêu cầu ông Đ trả nợ vay 100.000.000 đồng là có cơ sở. Về lãi trong hạn và lãi chậm trả hằng tháng nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Về lãi quá hạn của khoản nợ gốc, nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng lãi suất 10% năm (= 0,833%/tháng) là thấp hơn lãi suất quá hạn được xác định ở trên (1,25% tháng) nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi, lẽ ra nguyên đơn được yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 09/10/2017 đến ngày Tòa án xét xử nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính đến ngày khởi kiện là ngày 09/12/2018 nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc giới hạn cho phép và có lợi cho bên vay nên cần chấp nhận. Theo đó tiền lãi quá hạn từ 09/10/2017 đến 09/12/2018 là: 14 tháng x 100.000.000 đồng x 10%/năm : 12 tháng = 11.666.000 đồng; do đó cần chấp nhận lãi quá hạn theo yêu cầu của nguyên đơn là 11.620.000 đồng.

[8] Về chi phí giám định chữ ký là 5.040.000 đồng; ông Đ là người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định nhưng kết quả giám định chứng minh yêu cầu của

ông Đ là không có căn cứ do đó ông Đ phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là $111.620.000 \times 5\% = 5.581.000$ đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H;

Buộc ông Trần Đ phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền đã vay là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 09/10/2017 đến ngày 09/12/2018 là 11.620.000 (Mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà ông Đ phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Về chi phí giám định: Ông Trần Đ phải chịu 5.040.000 đồng; ông Đ đã nộp xong khoản tiền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đ phải chịu 5.581.000 (Năm triệu năm trăm tám mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 2.790.000 (Hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001651 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Lắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- Chi cục THA DS H. Lắc;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng